

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ
ĐƯỢC HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang số

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT

05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

06 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

11 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1415/1999/QĐ-BGTVT ngày 14/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Theo Quyết định số 766/2007/QĐ-BGTVT ngày 06/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án bán Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5; và theo hợp đồng số 809/HĐMB-DMDN ngày 14/05/2007 về việc mua bán Công ty nhà nước giữa Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 với Ban đại diện tập thể người lao động Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được chuyển thành công ty cổ phần. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006731 ngày 16/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã 05 (năm) lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

- Thay đổi lần 1 ngày 16/05/2007;
- Thay đổi lần 2 ngày 31/05/2007;
- Thay đổi lần 3 ngày 07/01/2008;
- Thay đổi lần 4 ngày 13/01/2010;
- Thay đổi lần 5 ngày 03/03/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 05, vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND. Đến thời điểm 30/06/2010 Công ty đang niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là NTB

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584

Tên giao dịch: TRANSPORT ENGINEERING CONSTRUCTION AND BUSINESS INVESTMENT STOCK COMPANY 584

Tên viết tắt: TECBIS 584 JSC

Trụ sở chính: 785/1 Lũy Bán Bích. P.Phú Thọ Hòa. Q.Tân Phú. TP.Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 hoạt động với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) trong nước công trình giao thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở kỹ thuật, hạ tầng Khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- Tư vấn xây dựng: Lập dự án đầu tư về xây dựng, lập dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng nhóm B-C, thẩm tra dự án nhóm B-C, dự án thiết kế nhóm B-C;
- Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị giao thông vận tải;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở)./.

Đến thời điểm 15/03/2010 Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng 584.8 chính thức trở thành Công ty con của Công ty.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Kim Minh	Chủ tịch
Bà Trần Thị Hương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Nhị	Phó Chủ tịch
Bà Vũ Thị Diệp Chi	Ủy viên
Ông Lê Tấn Hòa	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã tham gia điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Trần Kim Minh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nhị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Đông Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Phước	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2010)

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia điều hành và kiểm soát hoạt động của Công ty trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Bà Phạm Dương Minh Tú	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Trân	Thành viên
Bà Hà Thị Nga	Thành viên

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét kèm theo. Ngoài trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo soát xét (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng giám đốc



Trần Kim Minh

Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Số: 2508BCSX/AA

TP. HCM, Ngày 25 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & KHAI THÁC CTGT 584**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập và trình bày theo các nguyên tắc kế toán, Luật kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực kế toán Quốc tế được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến 04, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập, trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý và đảm bảo rằng Công ty tuân thủ đúng pháp luật và các qui định hiện hành; ngăn ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi không tuân thủ pháp luật và các quy định trong Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả công tác soát xét.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)



Nguyễn Hồng Chuẩn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 1214/KTV

Nguyễn Phương Lan Anh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0673/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mẫu số: B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	30/06/2010	01/01/2010
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.146.034.613.230	1.121.676.850.902
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	16.550.386.604	1.155.826.430
1	Tiền	111		16.550.386.604	1.155.826.430
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	2.243.104.211	6.896.357.918
1	Đầu tư ngắn hạn	121		2.243.104.211	6.896.357.918
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		359.605.369.476	268.989.038.951
1	Phải thu khách hàng	131		213.291.455.029	123.721.079.970
2	Trả trước cho người bán	132		67.791.375.341	59.164.131.745
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		363.526.859	312.721.881
4	Các khoản phải thu khác	135	5	87.689.345.609	95.321.438.717
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(9.530.333.362)	(9.530.333.362)
IV	Hàng tồn kho	140	6	734.810.034.600	810.061.781.085
1	Hàng tồn kho	141		734.810.034.600	810.061.781.085
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		32.825.718.339	34.573.846.518
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		503.146.729	149.175.871
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		116.616.683	2.437.732.684
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	7	9.197.824	126.223.291
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		32.196.757.103	31.860.714.672
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		455.920.638.514	419.023.025.145
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		407.396.742.215	385.256.332.615
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	8	407.396.742.215	385.256.332.615
II	Tài sản cố định	220		40.038.937.746	24.647.139.030
1	Tài sản cố định hữu hình	221	9	40.031.937.746	24.647.139.030
	- Nguyên giá	222		50.249.217.581	29.848.779.291
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.217.279.835)	(5.201.640.261)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		7.000.000	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	4.490.000.000	5.960.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.490.000.000	3.500.000.000
2	Đầu tư dài hạn khác	258		1.000.000.000	2.460.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		3.351.458.553	3.159.553.500
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		191.905.053	-
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.159.553.500	3.159.553.500
VI	Lợi thế thương mại	269		643.500.000	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.601.955.251.744	1.540.699.876.047

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(Tiếp theo)

Mẫu số: B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	30/06/2010	01/01/2010
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.031.131.808.100	1.311.358.538.198
I	Nợ ngắn hạn	310		595.616.199.583	710.539.427.198
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	11	148.008.119.448	233.406.082.977
2	Phải trả người bán	312		37.011.759.188	64.796.430.043
3	Người mua trả tiền trước	313		1.852.676.846	638.400.000
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	12	35.505.635.059	20.621.172.347
5	Phải trả người lao động	315		1.079.883.937	-
6	Chi phí phải trả	316	13	83.275.140.963	25.899.172.144
7	Phải trả nội bộ	317		27.391.610	-
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	319	14	285.745.715.049	365.018.353.294
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.109.877.483	159.816.393
II	Nợ dài hạn	330		435.515.608.517	600.819.111.000
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333		76.621.726.892	202.402.100.000
4	Vay và nợ dài hạn	334	15	355.226.034.704	398.417.011.000
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		3.667.846.921	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		570.275.993.502	229.341.337.849
I	Vốn chủ sở hữu	410	16	570.275.993.502	229.341.337.849
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		360.000.000.000	150.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		138.956.502.800	12.956.502.800
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	22.551.131
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		15.037.334.199	8.995.924.785
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		3.924.367.301	159.816.393
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		52.357.789.202	57.206.542.740
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		547.450.142	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.601.955.251.744	1.540.699.876.047

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

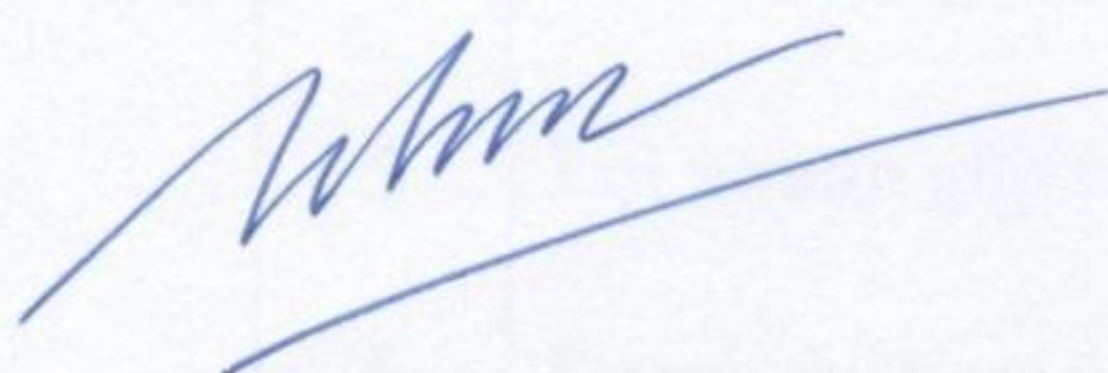
STT	Chỉ tiêu	Mã số	ĐVT	30/06/2010	01/01/2010
1	Tài sản thuê ngoài	001	VND	-	-
2	Vật tư. hàng hoá nhận giữ hộ. nhận gia công	002	VND	-	-
3	Hàng hoá nhận bán hộ. nhận ký gửi. ký cược	003	VND	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	004	VND	-	-
5	Ngoại tệ các loại	005	USD	280.00	380.39
6	Dự toán chi sự nghiệp. dự án	006	VND	-	-

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2010

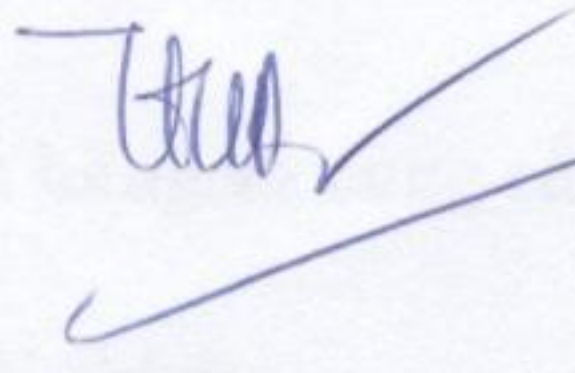
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Khánh Tâm



Trần Thị Thanh Bình



Trần Kim Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010

Mẫu số: B02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	17	266.161.478.854
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266.161.478.854
4	Giá vốn hàng bán	11	18	225.400.746.963
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.760.731.891
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.337.258.700
7	Chi phí tài chính	22	20	4.503.436.527
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.503.436.527
8	Chi phí bán hàng	24		2.521.947.691
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.942.772.031
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.129.834.342
11	Thu nhập khác	31		102.716.895.881
12	Chi phí khác	32		60.190.919.067
13	Lợi nhuận khác	40		42.525.976.814
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		68.655.811.156
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	13.925.626.679
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		3.667.846.921
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.062.337.556
	Phân bổ cho			
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(49.489.295)
	Cổ đông công ty mẹ			51.111.826.851
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.631

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc

Trần Thị Khánh Tâm

Trần Thị Thanh Bình

Trần Kim Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số: B03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01 đến 30/06/2010
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	76.682.559.949
2	Tiền chi trả cho người cung cấp dịch vụ và hàng hóa	02	(150.906.261.992)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.954.845.439)
4	Tiền chi trả lãi vay	03	(26.127.807.971)
5	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	04	-
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	14.003.040.835
7	Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	06	(18.654.035.484)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	08	(111.957.350.102)
II	LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Tiền chi mua sắm XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	10	(2.096.111.908)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	11	-
3	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ khác	12	(169.500.000.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	13	149.500.000.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	14	(21.280.000.000)
6	Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	15	-
7	Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	16	1.320.571.983
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20	(42.055.539.925)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ chủ sở hữu	31	297.600.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	219.212.540.618
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(318.451.629.497)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.742.600.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	168.618.311.121
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	14.605.421.094
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.944.965.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	16.550.386.604

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc

Trần Thị Khánh Tâm

Trần Thị Thanh Bình

Trần Kim Minh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-DN/HN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 26 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1415/1999/QĐ-BGTVT ngày 14/06/1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Theo Quyết định số 766/2007/QĐ-BGTVT ngày 06/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án bán Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 và theo hợp đồng số 809/HĐMB-DMDN ngày 14/05/2007 về việc mua, bán Công ty nhà nước giữa Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 5 với Ban đại diện tập thể người lao động Công ty Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 được chuyển thành công ty cổ phần. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006731 ngày 16/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã 05 lần sửa đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

- Sửa đổi lần 01 ngày 16/05/2007;
- Sửa đổi lần 02 ngày 31/05/2007;
- Sửa đổi lần 03 ngày 07/01/2008;
- Sửa đổi lần 04 ngày 13/01/2010;
- Sửa đổi lần 05 ngày 03/03/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 05, vốn điều lệ của Công ty là **360.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tỷ đồng chẵn./.).

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 584

Tên giao dịch: TRANSPORT ENGINEERING CONSTRUCTION AND BUSINESS INVESTMENT STOCK COMPANY 584

Tên viết tắt: TECBIS 584 JSC

Trụ sở chính: 785/1 Lũy Bán Bích. P.Phú Thọ Hòa. Q.Tân Phú. TP.Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 hoạt động với ngành nghề kinh doanh chính là:

- Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT) trong nước công trình giao thông;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công và gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh cơ sở kỹ thuật, hạ tầng Khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- Tư vấn xây dựng: Lập dự án đầu tư về xây dựng, lập dự toán, tổng dự toán các công trình xây dựng nhóm B-C, thẩm tra dự án nhóm B-C, dự án thiết kế nhóm B-C;
- Mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị giao thông vận tải;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ (trừ chế biến tại trụ sở)/.

2. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

b) Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính
Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

c) Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt nam

Năm tài chính 2010, Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") và theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2002 của Bộ Tài chính.

d) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp giá gốc. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con hay một liên doanh.

e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí lãi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng, tiếp thị ước tính.

Đất đai chờ xây dựng được trình bày trong mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua quyền sử dụng đất, đền bù giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ chi phí thanh lý ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá (do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời ...) nguyên vật liệu, thành phẩm và theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

f) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình:

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- (1) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- (2) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- (3) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- (4) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành (Có giá trị từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) trở lên).

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do mua mới bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh, chi phí lắp đặt, chạy thử và các chi phí khác có liên quan.

Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
- Tài sản cố định khác	03 - 08

Tài sản cố định vô hình:

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện ghi nhận Tài sản cố định Hữu hình, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô

hình. Những khoản chi phí không đồng thời thỏa mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán ... Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính từ 5 đến 20 năm. riêng đối với Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính trích khấu hao.

g) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Với từng hoạt động kinh doanh cụ thể, công ty ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng: Được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi Chủ đầu tư, công ty sẽ ghi nhận doanh thu đồng thời ghi chi phí tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được Chủ đầu tư xác nhận trong kỳ kế toán hoặc kết thúc kỳ kế toán. Với các khoản tăng, giảm khối lượng thực hiện sẽ chỉ được ghi nhận khi vào doanh thu khi đã được Chủ đầu tư chấp thuận thanh toán và ký biên bản quyết toán cuối cùng.

Với các hợp đồng không thể xác định chi phí một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Tương ứng chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi đã thực sự phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

Doanh thu căn hộ: Đối với căn hộ mà công ty bán sau khi hoàn thành, doanh thu và giá vốn được ghi nhận sau khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất công việc xây dựng và người mua thanh toán tiền theo tiến độ hợp đồng xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn thành được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước để hoàn tất công việc xây dựng căn hộ.

Chính sách ghi nhận doanh thu này được Công ty áp dụng từ năm tài chính 2009 và là một nguyên tắc được chấp thuận phổ biến tại Việt Nam và một số nước khác.

h) Thuế

Công ty thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng theo qui định của Luật thuế Giá trị gia tăng và các văn bản về thuế có hiệu lực đến thời điểm khóa sổ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với toàn bộ hoạt động xây lắp, cho thuê văn phòng, kinh doanh nhà chung cư và các dịch vụ tại chung cư áp dụng 10%. Mức thuế suất này có thể thay đổi tùy theo sự điều chỉnh của cơ quan thuế trong từng thời kỳ cụ thể, các nghĩa vụ thuế sẽ tùy thuộc vào kết quả cuối cùng khi Cơ quan thuế thực hiện quyết toán tại doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Khai thác công trình giao thông 584 là doanh nghiệp Nhà nước được bán cho tập thể người lao động theo Quyết định số 1845/QĐ-BGTVT ngày 08/09/2006. Theo đó tại công văn số 3682/TCT-CS ngày 10/09/2009 của Tổng Cục thuế. Công ty được miễn 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và luật thuế) có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

i) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

j) Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo

cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các khoản mục tiền tệ gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản này được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

k) Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập vào thời điểm cuối năm tài chính cho những khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên 2 năm hoặc khách hàng đang trong thời gian xem xét giải thể, phá sản, truy tố hoặc gặp các khó khăn tương tự khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 17/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

l) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí về đầu tư xây dựng cơ bản (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

n) Thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày mua tài sản. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá trị trên hợp đồng thuê và giá thị trường của tài sản được xem là chi phí tài chính và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê, đảm bảo một tỷ lệ cố định tính trên số dư phải trả về thuê tài chính còn lại cho trong kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương như các tài sản sở hữu, hoặc dựa trên thời gian đi thuê tài sản tương ứng trong trường hợp thời gian thuê ngắn hơn.

o) Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

p) Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Tỷ lệ khấu hao áp dụng với bất động sản đầu tư tương tự như tỷ lệ khấu hao áp dụng đối với bất động sản chủ sở hữu sử dụng.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ. trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	1.619.685.810	164.578.262
- Tiền gửi Ngân hàng	14.930.700.794	991.248.168
+ Tiền gửi tại Việt Nam đồng	14.925.946.272	986.231.685
+ Tiền gửi ngoại tệ	4.754.522	5.016.483
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	16.550.386.604	1.155.826.430

4. Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	2.243.104.211	6.896.357.918
+ <i>Nhâm Thị Quý</i>	230.681.211	100.000.000
+ <i>Lê Thành Nhơn</i>	500.000.000	500.000.000
+ <i>Nguyễn Xuân Hòa</i>	1.000.000.000	1.000.000.000
+ <i>Huỳnh Tấn Tước</i>	433.423.000	346.738.400
+ <i>Đoàn Anh Nhơn</i>	-	4.852.619.518
+ <i>Nguyễn Thị Liễu</i>	79.000.000	97.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	2.243.104.211	6.896.357.918

5. Phải thu khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	13.993.121.328
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	87.689.345.609	81.328.317.389
+ Công ty CP XD 584.3 (Thanh lý Thiết bị)	2.703.020.203	2.703.020.203
+ Công ty CP ĐT&KD BĐS 584.6	-	1.000.000.000
+ Công ty CP SX & KD VLXD 584.8	466.752.200	-
+ Công ty CP ĐTXD Lilama SHB	56.473.972.500	56.473.972.500
+ Công ty CP Bất Động Sản Đại Hưng	4.330.975.112	-
+ Tổng Công ty XDCTGT 5, và khác	22.134.040.738	21.151.324.686
+ Các đối tượng khác	1.580.584.856	-
Cộng	87.689.345.609	95.321.438.717

6. Hàng tồn kho

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.762.842.972	582.091.237
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí SX, KD dở dang	730.303.857.556	809.479.689.848
+ Dự án Tân Kiên Bình Chánh	146.077.334.599	294.768.262.748
+ Dự án Phường 23 Quận Bình Thạnh	243.175.654.189	227.114.285.851
+ Dự án Phường 17 Quận Gò Vấp	30.094.920.167	29.809.237.456
+ Dự án Thảo Điền Quận 2	66.344.943.203	62.636.786.747
+ Dự án Trịnh Đình Trọng	77.523.234.244	74.039.377.482
+ Dự án Phường 13 Quận Bình Thạnh	1.085.504.757	1.064.504.757
+ Dự án Nguyễn Oanh P. 6 Q.Gò Vấp	125.224.111.808	111.782.007.534
+ Dự án Phường 16 Quận 8	40.079.196.923	8.265.227.273
+ Nguyên vật liệu đã xuất kho sản xuất bê tông tươi	698.957.666	-
- Thành phẩm	1.743.334.072	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	734.810.034.600	810.061.781.085

7. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
- Thuế GTGT		126.223.291
- Thuế xuất nhập khẩu	9.197.824	-
Cộng	9.197.824	126.223.291

8. Phải thu dài hạn nội bộ

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
- Văn phòng 584 tại Mỹ	407.396.742.215	385.256.332.615
Cộng	407.396.742.215	385.256.332.615

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐHH						
Tại 01/01/2010	14.841.360.050	896.296.382	11.782.825.676	1.793.495.380	534.801.803	29.848.779.291
Tăng trong năm	-	9.763.460.955	11.615.440.259	572.186.394	520.000.000	22.471.087.608
Mua sắm mới	-	1.557.907.743	2.310.472.906	473.822.551	50.000.000	4.392.203.200
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	8.205.553.212	9.304.967.353	98.363.843	470.000.000	18.078.884.408
Giảm trong năm	-	261.505.953	1.783.900.840	25.242.525	-	2.070.649.318
TL nhượng bán	-	261.505.953	-	25.242.525	-	286.748.478
Phân loại lại	-	-	1.783.900.840	-	-	1.783.900.840
Giảm khác	-	-	-	-	-	-

Tại 30/06/2010	14.841.360.050	10.398.251.384	21.614.365.095	2.340.439.249	1.054.801.803	50.249.217.581
Giá trị hao mòn	-	-	-	-	-	-
Tại 01/01/2010	732.931.932	158.702.045	3.541.780.811	614.965.457	153.260.016	5.201.640.261
Tăng trong năm	236.383.406	2.072.403.978	2.494.868.051	208.724.991	519.188.867	5.531.569.293
KH trong năm	236.383.406	587.130.951	1.534.791.515	184.960.507	101.411.090	2.644.677.469
Tăng khác	-	1.485.273.027	960.076.536	23.764.484	417.777.777	2.886.891.824
Giảm trong năm	-	502.887.748	-	13.041.971	-	515.929.719
TL, nhượng bán	-	53.630.846	-	13.041.971	-	66.672.817
Phân loại lại	-	449.256.902	-	-	-	449.256.902
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại 30/06/2010	969.315.338	1.728.218.275	6.036.648.862	810.648.477	672.448.883	10.217.279.835
Giá trị còn lại TSCĐHH						
Tại 01/01/2010	14.108.428.118	737.594.337	8.241.044.865	1.178.529.923	381.541.787	24.647.139.030
Tại 30/06/2010	13.872.044.712	8.670.033.109	15.577.716.233	1.529.790.772	382.352.920	40.031.937.746

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	3.490.000.000	3.500.000.000
- Công ty CP XD 584.3	400.000.000	400.000.000
- Công ty CP Cơ Điện Lạnh 584.4	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP KD Vật Tư Thiết Bị 584.5	290.000.000	300.000.000
- Công ty CP 584.7	2.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Thiết kế 584.1	300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Tư Vấn Giám sát 584.2	200.000.000	200.000.000
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	2.460.000.000
- Công ty CP ĐT&KD BĐS 584.6	1.000.000.000	-
- Công Ty CP SX&KD VLXD 584.8	-	2.460.000.000
Cộng	4.490.000.000	5.960.000.000

11. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
- Vay ngắn hạn	148.008.119.448	233.406.082.977
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	138.008.119.448	119.608.000.000
+ NH Đầu tư và Phát triển - SGD II	38.653.897.436	20.000.000.000
+ NH No&PTNT Việt Nam - CN 4	30.000.000.000	55.000.000.000
+ Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội	20.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Nam Á	18.838.000.000	44.188.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	420.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - CN TP.HCM	9.773.722.012	-
+ Ngân hàng TMCP Nam Á - Hội sở	20.000.000.000	-
+ Ngân Hàng Quốc Tế VN-CN Gò Vấp	742.500.000	-
+ Vay ngắn hạn cá nhân và các đối tượng khác	10.000.000.000	113.798.082.977
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Exim	10.000.000.000	38.640.000.000
+ Công ty TNHH Vật liệu XD Anpha	-	27.855.645.257
+ Lê Thị Bích Phượng	-	47.302.437.720
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-

Cộng	148.008.119.448	233.406.082.977
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	742.787.416	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.746.624.923	20.617.586.247
- Thuế thu nhập cá nhân	16.222.720	3.586.100
Cộng	35.505.635.059	20.621.172.347
13. Chi phí phải trả		
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	5.346.265.729	15.155.685.658
- Các khoản trích trước khác	77.928.875.234	10.743.486.486
- Chi phí Dự án Nguyễn Oanh	68.910.232.597	-
- Chi phí Dự án Trịnh Đình Trọng. và dự án khác	8.983.692.053	10.743.486.486
- Chi phí khác	34.950.584	-
Cộng	83.275.140.963	25.899.172.144
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.378.681	-
- Kinh phí công đoàn	124.536.331	112.389.665
- Bảo hiểm xã hội	347.298.060	298.718.704
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	285.264.501.977	364.607.244.925
+ Công ty CP Bất động sản Đại Hưng	165.898.357.864	165.898.357.864
+ Công ty CP Đầu tư công đoàn BIDV	56.473.972.500	48.601.115.357
+ Cty CP ĐTXD LILAMA SHB	3.500.000.000	-
+ Nguyễn Trường Sơn	-	6.543.454.400
+ Công ty CP Bất động sản Exim	2.214.984.400	4.214.984.400
+ Cty CP DL&TM Vinpear	5.163.839.896	5.163.839.896
+ Lê Thị Bích Phượng	37.557.400.000	-
+ Thân Quý Phái	5.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	9.452.947.317	134.185.493.008
Cộng	285.745.715.049	365.018.353.294

15. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Vay dài hạn	355.226.034.704	398.417.011.000
+ Vay dài hạn ngân hàng	355.226.034.704	398.417.011.000
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	25.011.000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	219.850.921.170	215.292.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển - SGD II	57.280.000.000	98.100.000.000
+ Ngân hàng Nam Á	75.000.000.000	85.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Hàng Hải - PGD Gò Vấp	256.631.144	
+ Ngân hàng BIDV - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	2.838.482.390	
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	355.226.034.704	398.417.011.000

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục số 1)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các cổ đông	360.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	360.000.000.000	150.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	360.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	210.000.000.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	360.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	29.742.600.000	16.710.000.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	15.037.334.199	8.995.924.785
- Quỹ dự phòng tài chính	3.924.367.301	159.816.393
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.109.877.483	159.816.393

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.847.825.968
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	260.313.652.886
Cộng	266.161.478.854

18. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.487.546.094
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	222.913.200.869
Cộng	225.400.746.963

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi tiền cho vay	1.337.258.700
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-
Cộng	1.337.258.700

20. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
- Lãi tiền vay	4.503.436.527
- Chi phí tài chính khác	-
Cộng	4.503.436.527

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Từ 01/01/2010 đến
30/06/2010
VND

Tổng lợi nhuận trước thuế	68.655.811.156
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	13.925.626.679
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.667.846.921
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	51.062.337.556

22. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Nội dung	Mối quan hệ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Cho thuê văn phòng, dịch vụ		
Công ty CP 584.2; Công ty 584.5	Công ty liên kết	116.525.400
Công ty 584.8	Công ty con	112.040.800
Mua hàng		
Công ty CP Tư vấn TK 584.1	Công ty liên kết	
Công ty CP TV Giám sát 584.2	Công ty liên kết	69.331.418
Công ty CP Xây dựng 584.3	Công ty liên kết	4.078.748.098
Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4	Công ty liên kết	1.415.032.822
Công ty CP KD thiết bị 584.5	Công ty liên kết	7.059.149.865
Công ty CP SX&KD 584.8	Công ty con	21.727.617.945

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/6/2010 như sau:

Nội dung	Mối quan hệ	30/06/2010 VND
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Tư vấn thiết kế 584.1	Công ty liên kết	975.858.892
Công ty CP TV Giám sát 584.2	Công ty liên kết	2.278.289.589
Công ty CP Xây dựng 584.3	Công ty liên kết	4.426.415.375
Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4	Công ty liên kết	938.667.178
Công ty CP KD thiết bị 584.5	Công ty liên kết	925.354.005
Công ty CP SX&KD VLXD 584.8	Công ty con	-
Phải trả người bán		
Công ty CP TV Giám sát 584.2	Công ty liên kết	69.331.418
Công ty CP Xây dựng 584.3	Công ty liên kết	519.450.067
Công ty CP Cơ điện lạnh 584.4	Công ty liên kết	5.784.736.321
Công ty CP SX & KD VLXD 584.8	Công ty con	2.347.468.211

Đến thời điểm 30/06/2010 Công ty chưa nhận được bất cứ thông báo lãi/ lỗ nào từ các Công ty liên kết

23. Số liệu so sánh

Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất (đến thời điểm 15/03/2010 Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng 584.8 chính thức trở thành Công ty con của Công ty) do đó số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán chưa được hợp nhất là số liệu trên báo cáo riêng Công ty mẹ đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) và không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Người lập biểu

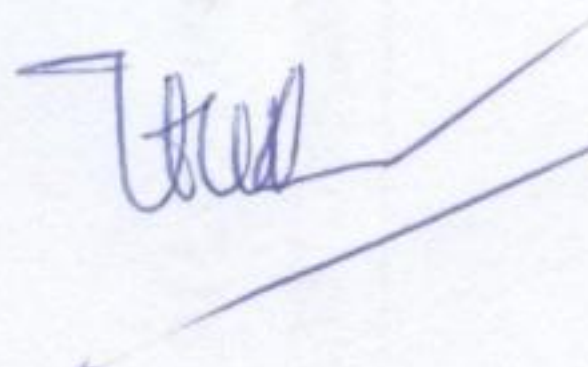
Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Thị Khánh Tâm



Trần Thị Thanh Bình



Trần Kim Minh

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu sự biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	CL tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Cộng
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	12.956.502.800	8.995.924.785	159.816.393	22.551.131	58.509.444.528	159.816.393	229.501.154.242
- Tăng vốn trong năm nay	210.000.000.000	126.000.000.000	-	-	-	-	-	336.000.000.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	51.062.337.556	-	51.062.337.556
- Tăng khác	12.352.619.518	-	6.041.409.414	3.764.550.908	-	-	-	22.158.579.840
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	12.352.619.518	-	-	-	22.551.131	55.911.091.094	159.816.393	58.446.078.136
Số dư cuối kỳ này	360.000.000.000	138.956.502.800	15.037.334.199	3.924.367.301	-	52.357.789.202	-	570.275.993.502